

|H|A|C|K|E|R|S|

HACKERS TOEIC START LISTENING



30 PHÚT TỰ HỌC TOEIC MỖI NGÀY

Phan Điều dịch



Củng cố ngữ pháp và
từ vựng cơ bản cùng chiến
lược làm bài cho từng dạng



Cung cấp đáp án
kèm lời giải chi tiết



Hướng dẫn lộ trình
học hiệu quả trong
vòng 4 tuần

 alphabooks®
Knowledge is power

 gamma

 NHÀ XUẤT BẢN
DÂN TRÍ


HACKERS

MỤC LỤC

Ưu điểm vượt trội của sách	8	Kế hoạch học tập theo từng trình độ	20
Cấu trúc của sách	10	Hướng dẫn cách sử dụng file MP3	24
Giới thiệu bài thi TOEIC định dạng mới	14	Sự khác biệt giữa phát âm Anh-Mỹ và Anh-Anh	26
Các dạng câu hỏi của từng phần	16	Phương pháp học tập	28

Làm quen với bài thi TOEIC

Ngày 1: Kỹ năng nghe cơ bản Part 2, 3, 4

Course 1 Kỹ năng nghe những từ và cụm từ có phát âm gần giống nhau 32

Course 2 Kỹ năng nghe nối âm, từ chứa nội dung (content word), hư từ (function word), các nhóm từ trong câu (chunking) 36

Ngày 2: Ngữ pháp cơ bản trong Part 1

Course 1 Thì của động từ 42

Course 2 Thể của động từ 45

Part 1

Ngày 3: Ảnh tập trung miêu tả con người

Course 1 Ảnh có một người 54

Course 2 Ảnh có nhiều người 60

Ngày 4: Ảnh chụp sự vật (phong cảnh)

Course 1 Ảnh có sự vật (phong cảnh) 68

Course 2 Ảnh có sự vật (phong cảnh) và con người 74

Part Test 82

Part 2

Ngày 5: Câu hỏi có từ để hỏi (1)

Course 1 Từ để hỏi "Who" 90

Course 2 Từ để hỏi "What", "Which" 94

Ngày 6: Câu hỏi có từ để hỏi (2)

Course 1 Từ để hỏi "Where" 100

Course 2 Từ để hỏi "When" 104

Ngày 7: Câu hỏi có từ để hỏi (3)

Course 1 Từ để hỏi "How" 110

Course 2 Từ để hỏi "Why" 114

Ngày 8: Câu nghi vấn thông thường

Course 1 Câu hỏi Yes/ No 120

Course 2 Câu hỏi gián tiếp 124

Ngày 9: Câu hỏi đuôi và câu hỏi lựa chọn

Course 1 Câu hỏi đuôi 130

Course 2 Câu hỏi lựa chọn 134

Ngày 10: Câu hỏi đề nghị, yêu cầu và câu trần thuật

Course 1 Câu hỏi đề nghị, yêu cầu 140

Course 2 Câu trần thuật 144

Part Test 150

Đáp án

Đáp án – Dịch nghĩa – Giải thích

331

Part 3

Mới

Mới

Ngày 11: Các tình huống diễn ra nơi công sở (1)

Course 1 Chào hỏi 156

Course 2 Công việc nội bộ của công ty 162

Mới

Ngày 12: Các tình huống diễn ra nơi công sở (2)

Course 1 Các buổi họp 172

Course 2 Kế hoạch kinh doanh 178

Mới

Ngày 13: Các tình huống diễn ra nơi công sở (3)

Course 1 Tư vấn cho khách hàng 188

Course 2 Quản lý cơ sở vật chất 194

Mới

Ngày 14: Đời sống thường nhật (1)

Course 1 Mua sắm 204

Course 2 Tiện ích 210

Mới

Ngày 15: Đời sống thường nhật (2)

Course 1 Hoạt động giải trí 220

Course 2 Giao thông và cư trú 226

Part Test Mới

236

Part 4

Mới

Ngày 16: Tin nhắn (Message) Mới

Course 1 Tin nhắn thoại 244

Course 2 Hệ thống trả lời tự động 250

Ngày 17: Thông báo (Announcement) Mới

Course 1 Thông báo trong nội bộ công ty 260

Course 2 Thông báo nơi công cộng 266

Ngày 18: Chương trình phát thanh (Broadcast) Mới

Course 1 Quảng cáo 276

Course 2 Chương trình radio 282

Ngày 19: Bản tin (Report) Mới

Course 1 Bản tin tình hình giao thông và dự báo thời tiết 292

Course 2 Bản tin thời sự 298

Ngày 20: Bài phát biểu/Bài nói ngắn (Speech/Talk) Mới

Course 1 Bài phát biểu/Bài nói ngắn ở sự kiện 308

Course 2 Hướng dẫn du lịch 314

Part Test Mới

324

Answer Sheet

329

CẤU TRÚC CỦA SÁCH

Làm quen với bài thi TOEIC

Người học có thể xây dựng nền tảng kiến thức vững chắc về phát âm và ngữ pháp để chuẩn bị tốt cho bài thi TOEIC Listening.

TOEIC CƠ BẢN
Ngày 1

Course 1

Kỹ năng nghe những từ / cụm từ có phát âm gần giống nhau

Trong tình huống trên, người đàn ông đã nghe nhầm từ **copy** thành **coffee**. Có sự nhầm lẫn này là do hai từ **copy** và **coffee** có phát âm gần giống nhau. Các câu hỏi trong Part 2 thường đưa ra các phương án lựa chọn có cách phát âm tương tự như thế. Trong Course 1 này, chúng ta sẽ tìm hiểu về những từ có phát âm giống nhau để gây hiểu lầm.

Những nguyên âm và phụ âm dễ bị nhầm lẫn

1. [p] & [f] Day01_C1_01

Khi phát âm phụ âm /p/, hai môi sẽ mím chặt và bật hơi ra ngoài. Còn với âm /f/, ta sẽ cần nhẹ nhàng hàm trên vào môi dưới rồi khẽ thổi hơi tạo nên âm thanh nghe như âm "p" và âm "f".

[p]	copy /kəpi/ sao chép	pile /paɪ/ chồng, đống	pool /puːl/ bể bơi
[f]	coffee /kəfi/ cà phê	file /faɪ/ hồ sơ	full /fʊl/ đầy

Task: Hãy làm bài tập sau.

3. [l] & [r] Day01_C1_03

Khi phát âm phụ âm /l/, đầu lưỡi chạm vào chân răng của hàm trên. Khi phát âm phụ âm /r/, đầu lưỡi chạm vào vòm miệng trên và lưỡi được nâng lên, chạm vào hàm trên của vòm miệng.

[l]	late /leɪ/ muộn	load /ləʊd/ gánh nặng	lead /liːd/ lãnh đạo
[r]	rate /reɪt/ tỷ lệ, giá	road /roʊd/ con đường	read /riːd/ đọc

Task: Hãy làm bài tập sau.

Why are you late? Vì sao bạn đến muộn?
(A) It's a good rate. (x) Đó là mức giá tốt.
(B) I missed the bus. (o) Tôi bị lỡ chuyến xe buýt.
⇒ (B) là đáp án đúng. Phương án A sử dụng từ **rate** có phát âm gần giống từ **late** nên dễ gây nhầm lẫn.

4. [ou] & [ɔ:] Day01_C1_04

/ou/ được tạo thành bởi hai nguyên âm đơn là /o/ và /u/ nên âm phát ra nghe tương tự như "ô u". Khi phát âm nguyên âm /ɔ:/, đầu lưỡi chạm vào vòm miệng trên nên âm phát ra nghe như nửa âm "ô" và nửa "a".

[ou]	cold /kəʊld/ lạnh	won't /wɒnt/ sẽ không	boat /bəʊt/ con thuyền
[ɔ:]	called /kɔːld/ đã gọi	water /wɔːtə/ nước	bought /bɔːt/ đã mua

Task: Hãy làm bài tập sau:

It's cold outside, isn't it? Ngoài trời đang lạnh phải không?
(A) Yes, you should wear a sweater. (o) Đúng vậy, cậu nên mặc áo len.
(B) I called him last night. (x) Tôi đã gọi cho anh ấy tối qua.
⇒ (A) là đáp án đúng. Phương án (B) sử dụng từ **called** có phát âm gần giống từ

Từ và cụm từ cố định

Người học có thể dễ dàng tích lũy từ và cụm từ cố định thông qua các hình ảnh minh họa và bố cục được trình bày một cách khoa học.

Part 4
Ngày 17

Course 1

Thông báo nội bộ công ty

Trong Course 1 này, chúng ta sẽ tìm hiểu về các thông báo nội bộ công ty (ví dụ như thông báo tin tức hoặc phương hướng mới của công ty).

Từ vựng thường gặp Day17_C1_01

Nếu làm quen trước với những từ vựng thường xuất hiện trong các thông báo nội bộ của công ty, ta có thể nghe rõ và chọn được đáp án chính xác nhất khi làm bài. Bạn nên vừa nghe vừa đọc theo và ghi nhớ các từ vựng dưới đây.

Quy định trong công ty

place: đặt, để	announce: thông báo
identification card: thẻ chứng minh	require: yêu cầu
carry: mang theo	shift: ca làm

Những tình huống thường gặp trong chủ đề thông báo nội bộ công ty Day17_C1_02

Nếu làm quen trước với những tình huống thường xuất hiện trong các thông báo nội bộ công ty, ta có thể dễ dàng nắm bắt mạch nội và chọn được đáp án đúng khi làm bài. Bạn nên vừa nghe vừa đọc theo và ghi nhớ những tình huống sau.

Quy định trong công ty

Trong tình huống này, bài nói thường có nội dung về các quy định. Ví dụ như nhân viên phải (need to) mặc đồng phục hoặc được yêu cầu (be required to) xuất trình thẻ chứng minh, yêu cầu sử dụng (deal with) cẩn thận các trang thiết bị của công ty.

need to - cần phải	Employees need to wear their uniforms at all times. Nhân viên luôn phải mặc đồng phục. * at all times: mọi lúc
be required to - bắt buộc	Employees are required to carry their ID cards. Các nhân viên bắt buộc phải mang theo thẻ chứng minh.
deal with - giải quyết, thực hiện	Please take extra care when dealing with large machinery. Hãy thận trọng hơn khi thao tác với các thiết bị lớn. * take care: cẩn thận machinery: thiết bị

Việc sửa chữa

Trong tình huống này, bài nói thường có nội dung về việc sử dụng công phụ (use the side entrance) trong thời gian công ty sửa chữa (do repairs) hoặc khi có lịch sửa điện, nhân viên phải tắt (turn off) tất cả các nguồn điện.

do repairs: sửa chữa	We will be shutting down the assembly line to do some repairs. Chúng tôi sẽ ngưng dây chuyền lắp ráp để thực hiện sửa chữa. * shut down: ngưng hoạt động assembly line: dây chuyền lắp ráp
use the side entrance: sử dụng cổng phụ	Our front entrance will be closed and staff will need to use the side entrance. Cổng trước sẽ bị đóng và nhân viên phải sử dụng cổng phụ.

Chiến lược học tập và cách áp dụng

Sau khi làm quen với các chiến lược cụ thể theo từng phần thi, người học có thể áp dụng để làm các bài tập khác.

Nội dung câu hỏi thường gặp trong chủ đề thông báo nội bộ của công ty

Thông báo trong công ty thường bắt đầu bằng những câu thu hút sự chú ý như "Xin hãy chú ý", sau đó người nói đề cập đến nội dung muốn truyền tải và kết thúc thông báo bằng nội dung cụ thể hoặc công việc mà người nghe phải làm liên quan đến nội dung đó. Theo mạch này, câu hỏi thường về nội dung về vấn đề được đề cập, yêu cầu đối với người nghe và thông tin xoay quanh nội dung đó.

Thông báo	Mạch nói	Câu hỏi thường gặp
Câu hỏi 1-3 liên quan đến thông báo sau: Toàn thể nhân viên xin chú ý. Tôi có một thông báo nhanh. Nhân viên lao công sẽ về sinh các tầng vào tuần sau. Vui lòng để ghế lên bàn vào tối ngày về sinh tầng của bạn. Ngoài ra, cũng có sự thay đổi trong lịch trình đã được thông báo. Lịch thu dọn sẽ được đổi vào thứ Tư.	Kêu gọi sự chú ý Mục đích thông báo Công việc cần làm Thông tin chi tiết	Hỏi về chủ đề và mục đích Nội dung chính của thông báo là gì? Hỏi về việc người nghe cần làm What are listeners asked to do? Người nghe được yêu cầu làm gì? Hỏi về nội dung chi tiết Look at the graphic. When will the 3rd floor be worked on? Hãy quan sát bảng. Khi nào tầng 3 sẽ được về sinh?

Chiến lược làm bài theo từng bước

STEP 1 Đọc nội dung câu hỏi và nắm bắt ý trọng tâm

Trước khi nghe bài nói, bạn nên vừa đọc nội dung câu hỏi vừa nắm bắt ý trọng tâm thông qua các từ khóa. Trong trường hợp có tài liệu trực quan đi kèm, người học cần xác định đó là loại tài liệu gì.

What is the announcement mainly about?
Nội dung chính của thông báo là gì?

Look at the graphic. When will the 3rd floor be worked on?
Hãy quan sát hình ảnh. Khi nào tầng 3 sẽ được dọn dẹp?

Floor	Day
3rd floor	Tuesday
4th floor	Wednesday

Áp dụng chiến lược và chọn đáp án đúng Day 17, C1, 03

Áp dụng chiến lược đã học ở trên và chọn đáp án đúng cho những câu hỏi dưới đây.

Day	Work
Tuesday	Demolition
Wednesday	Build wall
Thursday	Lay carpeting
Friday	Clean Room

1. What is the announcement mainly about?
(A) A building renovation (B) An office policies (C) A home remodeling (D) A work schedules

2. What does the speaker ask listeners to do?
(A) Hand in forms (B) Use another machine (C) Remove personal items (D) Speak to supervisors

3. Look at the graphic. When will the photocopier be returned?
(A) On Tuesday (B) On Wednesday (C) On Thursday (D) On Friday

Kiểm tra đáp án theo chiến lược đã học.

1. What is the announcement mainly about?
Nội dung chính của thông báo là gì?
(A) A building renovation Việc sửa chữa tòa nhà
Từ câu What - announcement - about, ta xác định được đề bài muốn hỏi về nội dung của đoạn thông báo.
(C) Remove personal items is chuyển đi các cá nhân
Từ câu What - speaker ask listeners to do, ta có thể xác định đề bài muốn hỏi về yêu cầu của người nói đối với người nghe.
(D) Please - remove all your items in the room
Câu Please - remove all your items in the room

Questions 1-3 refer to the following announcement and schedule.
Câu hỏi 1-3 liên quan đến đoạn thông báo và lịch trình sau.
Can I have your attention, please?
Xin mọi người hãy chú ý.
1. Staff room remodeling work will begin tomorrow.
Việc tu sửa phòng nhân viên sẽ bắt đầu vào ngày mai.
2. Please make sure to remove all your items in the room.
Vui lòng đảm bảo rằng các bạn đã

Thu hút sự chú ý
Chủ đề, mục đích
Việc người nghe

Câu hỏi luyện tập

Sau khi hoàn thành xong một Bài, người học có thể áp dụng các kiến thức và chiến lược vừa học vào phần luyện tập.

LUYỆN TẬP

Day 17, C1, 04
Xác định từ khóa, nắm bắt ý trọng tâm rồi chọn đáp án đúng. Sau đó hãy hoàn thành các câu sau. (Bạn được nghe 2 lần)

01 What is the announcement mainly about?
(A) Sản phẩm mới (B) Buổi tiệc công ty
Good morning, everyone. I want to let you all know that _____ on April 1. We need to _____ about _____ to the media. It should include details about the _____, and _____.

02 What will most likely happen between 10 a.m. and 11 a.m.?
(A) Thợ sửa chữa sẽ sửa ống nước (B) Thợ sửa chữa sẽ lắp đặt bốn nửa mặt
A _____ was discovered in the building. A _____ to do _____ between 10 a.m. and 11 a.m. As a result, _____ for that hour. Please don't use sinks and toilets during that time.

03 When will the new policy begin?
(A) Next week (B) Next month

05 What is the purpose of the talk?
(A) To increase productivity
(B) To discuss company activities
(C) To announce a shift change
(D) To explain a new product

06 What is mentioned about the training session?
(A) It has been canceled.
(B) It will be held on Monday.
(C) It will be scheduled soon.
(D) It must be attended by all staff.

May I have your attention, please? I have some _____.
The _____ will be held on Monday morning at 10:30 a.m.
This is a _____, so I hope _____.
Next, the regional manager has requested leadership training for all employees. This will start next Friday at 2 p.m. and _____.
Finally, our _____ is next Saturday. I will post more details about the event tomorrow.

07 - 08

CẤU TRÚC CỦA SÁCH

Câu hỏi theo định dạng bài thi thực tế

Sau khi hoàn thành các bài tập, người học có thể áp dụng tất cả kiến thức đã học để trả lời những câu hỏi theo định dạng bài thi thực tế của từng phần.

Ngày 17 Câu hỏi trong bài thi TOEIC thực tế

Day 17 Test

Xác định từ khóa của câu hỏi, nắm bắt ý trọng tâm và chọn đáp án đúng cho các câu hỏi sau.

[01 - 03]

01 What is the announcement mainly about?

- (A) Construction work
- (B) Door installation
- (C) Staff schedules
- (D) Event preparations

02 What does the speaker tell the staff to do?

- (A) Staying away from the windows
- (B) Taking a break
- (C) Being friendly to the workers
- (D) Using another entrance

[04 - 06]

04 Where most likely are the listeners?

- (A) At a convention center
- (B) At a dental clinic
- (C) At a trade fair
- (D) At a train station

05 What does the woman imply when she says, "It's hard to say"?

- (A) She cannot explain a delay.
- (B) She cannot contact a speaker.
- (C) She cannot confirm a time.
- (D) She cannot send a schedule.

[07 - 09]

07 What is the purpose of the announcement?

- (A) To confirm a relocation
- (B) To describe a sale
- (C) To explain a policy
- (D) To discuss an event

08 According to the speaker, what will be provided to employees?

- (A) Maps
- (B) Gifts
- (C) Handbooks
- (D) Coupons

09 What is suggested about the

[10 - 12]

10 Where is the announcement most likely being made?

- (A) At a furniture store
- (B) At a photo studio
- (C) At a hotel
- (D) At a factory

11 What can listeners get with a bed frame purchase?

- (A) A lamp
- (B) A pillow
- (C) A mattress
- (D) A dresser

12 How long will the special

Part Test

Sau khi hoàn thành việc học được chia theo ngày của từng phần, người học có thể chuyển sang phần Part Test được biên soạn với các câu hỏi theo định dạng mới của bài thi TOEIC chính thức để được trải nghiệm cảm giác như khi làm bài thi thật.

PS Part Test

PART 3

Directions: In this part, you will listen to several conversations between two or more speakers. These conversations will not be printed and will only be spoken one time. For each conversation, you will be asked to answer three questions. Select the best response and mark the corresponding letter (A), (B), (C), or (D) on your answer sheet.

01 What is the conversation mainly about?

- (A) Copies of a form
- (B) A course registration
- (C) Research information
- (D) A job application

02 Where can the woman get a form?

- (A) At a local branch
- (B) In the research department
- (C) On a Web site
- (D) From the main office

03 What does the man suggest the woman do?

- (A) Make an online payment
- (B) Contact another colleague

05 Who most likely is Alison?

- (A) A project manager
- (B) A workshop instructor
- (C) A construction worker
- (D) A proposal writer

06 What does the man say about the proposal?

- (A) It is due on a later day.
- (B) It was approved.
- (C) It will be discussed.
- (D) It needs some changes.

07 What are the speakers mainly discussing?

- (A) Purchasing a product

09 What will the woman do next?

- (A) Fill out a form
- (B) Copy a document
- (C) Check a price
- (D) Call another person

10 Who most likely are the speakers?

- (A) Production managers
- (B) Accessory designers
- (C) Customer service workers
- (D) Marketing specialists

11 What is the woman currently working on?

- (A) Advertising ideas
- (B) Product development
- (C) Consumer research
- (D) Building plans

12 What does the man offer to do?

- (A) Contact a customer
- (B) Provide a marketing plan
- (C) Conduct some research
- (D) Travel to Europe

15 Why should the woman go to the legal department?

- (A) To submit a report
- (B) To use another machine
- (C) To request legal assistance
- (D) To inspect a photocopier

16 What does the woman ask about?

- (A) The location of an item
- (B) The cost of a product
- (C) The duration of a sale
- (D) The hours of operation

17 What items are currently unavailable?

- (A) Office lamps
- (B) Desk chairs
- (C) Cash registers
- (D) Fax machines

18 What does the man offer to do?

- (A) Place a product order
- (B) Call another store
- (C) Show the woman a display
- (D) Deliver some furniture

Đáp án – Dịch nghĩa – Giải thích

Thông tin về giọng phát âm:

Đây là thông tin được đưa ra để người học có thể nhận biết và phân biệt các giọng phát âm theo tiếng Anh-Mỹ, Anh-Anh hay Anh-Úc.

Dịch nghĩa nội dung nghe:

Đây là phần dịch nghĩa của những câu văn trong bài nghe, các thành phần trong câu đều được giải thích ý nghĩa nên kể cả với câu văn dài, người học vẫn có thể nắm rõ ý của câu.

Từ khóa của câu hỏi:

Đây là yếu tố thí sinh cần phải nắm được khi làm bài. Những từ khóa của câu hỏi đã được đánh dấu bằng màu mực khác cho người học có thể hình dung dễ dàng hơn.

07 Phát âm giọng Anh-Úc → Phát âm giọng Anh-Anh
Phát âm giọng Anh-Mỹ → Phát âm giọng Anh-Mỹ

Questions 7-8 refer to the following conversation and estimate.

M: Donna, / when are we meeting / with Ms. Yang / Donna / khi nào chúng ta họp / với cô Yang / about the renovations? về việc cải tạo

W: Friday. But / I haven't arranged a time / yet. Thứ Sáu. Nhưng / tôi vẫn chưa sắp xếp được thời gian.

07 I wanna prepare a proposal / ahead of time. Tôi muốn chuẩn bị một đề xuất / trước thời hạn.

M: Good idea. Let's also provide a cost estimate / Ý hay. Cũng hãy đưa ra một bản dự trù kinh phí for materials. cho các nguyên vật liệu

W: I already made one. Tôi đã làm một bản rồi

M: Really? Thật sao

W: Yes. However, / 08 I was wrong / Vâng. Tuy vậy, / tôi đã nhầm / about the price of the third item. giá của vật liệu thứ ba

It should cost the same amount / as the floor tiles. Nó phải cùng giá / với gạch lát sàn

M: OK. I'll fix that. Được rồi. Tôi sẽ sửa lại.

07 What does the woman want to prepare?

(A) A schedule (C) A receipt
(B) An offer (D) A contract

08 Look at the graphic. What item will cost less than is quoted?

(A) Wood (B) Lighting
(C) Windows (D) Floor tiles

Từ vựng renovation: việc cải tạo arrange: sắp xếp ahead of time: trước thời hạn quote: báo giá

Giải thích:

Đây là phần giải thích, đưa ra lý giải cho việc lựa chọn đáp án dựa trên những chiến lược đã đề cập trước đó.

Manh mối tìm đáp án đúng:

Khi trả lời câu hỏi, phần manh mối để lựa chọn đáp án đúng trong cả đoạn nghe được đánh dấu bằng mực khác màu, giúp người học dễ dàng nhận biết các manh mối đó.

Mạch văn của bài nghe:

Riêng ở Part 3 và 4, bên cạnh nội dung của đoạn nghe sẽ xuất hiện phần thông tin thêm. Đó có thể là phần tóm tắt nội dung hoặc đưa ra mạch văn của đoạn nghe, từ đó người học có thể dễ dàng nắm được mạch nói của cả bài.

Vật liệu	Giá
Gỗ	3000 đô-la
Đèn	1500 đô-la
Cửa sổ	2500 đô-la
Gạch lát sàn	1000 đô-la

Materi	Material	Cost
	Wood	\$3,000
	Lighting	\$1,500
08	Windows	\$2,500
	Floor tiles	\$1,000

07 Người phụ nữ muốn chuẩn bị gì?

- (A) Một lịch trình
(B) Một đề xuất
(C) Một biên lai
(D) Một hợp đồng

08 Hãy quan sát bảng. Vật liệu nào có giá thấp hơn so với mức định giá?

- (A) Gỗ
(B) Đèn
(C) Cửa sổ
(D) Gạch lát sàn

CÁC DẠNG CÂU HỎI CỦA TỪNG PHẦN

Đây là phần thi yêu cầu lựa chọn đáp án miêu tả chính xác nhất nội dung trong tranh. Part 1 có tổng cộng 6 bức ảnh, được đánh số câu từ 1 đến 6.

◆ Các bức ảnh xuất hiện trong Part 1 có thể mô tả con người, sự vật hoặc phong cảnh.

DIRECTION Hướng dẫn của toàn bộ bài thi Listening, hướng dẫn cho Part 1 và ví dụ đều được đưa ra trong cùng một khung nội dung.

LISTENING TEST

In this section, you must demonstrate your ability to understand spoken English. This section is divided into four parts and will take approximately 45 minutes to complete. Do not mark the answers in your test book. Use the answer sheet that is provided separately.

PART 1

Directions: For each question, you will listen to four short statements about a picture in your test book. These statements will not be printed and will only be spoken one time. Select the statement that best describes what is happening in the picture and mark the corresponding letter (A), (B), (C) or (D) on the answer sheet.



Sample Answer

(A) (B) (C) (D)

The statement that best describes the picture is (B), "The man is sitting at the desk." So, you should mark letter (B) on the answer sheet.

NỘI DUNG CÂU HỎI Đề thi không in sẵn câu hỏi hay các phương án lựa chọn mà chỉ có hình ảnh.

1.



NỘI DUNG NGHE Phần nội dung nghe sẽ chỉ được phát qua hệ thống loa đài.

🔊 Look at the picture marked number 1 in your test book.

- (A) He is copying some documents.
- (B) He is talking on a phone.
- (C) He is writing a letter.
- (D) He is using a computer.

● Thời gian nghe hướng dẫn khoảng 1 phút 30 giây.

● Nội dung hướng dẫn

LISTENING TEST: Đây là nội dung cho biết bài nghe có bốn phần khác nhau, kéo dài trong khoảng 45 phút.

Part 1 Directions: Đây là nội dung cho biết hình thức thi của Part 1 là thí sinh sẽ quan sát ảnh, lắng nghe bốn phương án và lựa chọn đáp án miêu tả chính xác nhất bức ảnh đó.

● Việc cần làm trong khoảng thời gian hướng dẫn

Thí sinh nên đọc trước câu hỏi và các phương án lựa chọn của Part 3.

* Sau khi nghe thấy câu: "Now, Part 1 will begin", thí sinh cần ngay lập tức trở lại phần đầu và nghe câu hỏi đầu tiên.

● Việc cần làm khi nhìn vào bức ảnh

Trước khi nghe, thí sinh cần nắm được nội dung của bức ảnh.

● Việc cần làm khi nội dung nghe được phát

Nghe kỹ câu hỏi và đánh dấu luôn đáp án vào phiếu trả lời.

Part 2 Hỏi và trả lời

Đây là phần thi yêu cầu lựa chọn đáp án phù hợp nhất với câu hỏi hoặc câu trần thuật nghe được. Part 2 có tổng cộng 25 câu hỏi, được đánh số câu từ 7 đến 31.

◆ Những câu hỏi trong Part 2 có thể là dạng câu hỏi có từ để hỏi, câu hỏi Yes/ No thông thường, các câu trần thuật dù không phải là câu hỏi nhưng vẫn yêu cầu có sự đáp lại từ đối phương.

DIRECTION Không có ví dụ mà chỉ có phần hướng dẫn cho Part 2.

PART 2

Directions: For each question, you will listen to a statement or question followed by three possible responses spoken in English. They will not be printed and will only be spoken one time. Select the best response and mark the corresponding letter (A), (B), or (C) on your answer sheet.

- Thời gian nghe hướng dẫn khoảng 30 giây.

- Nội dung hướng dẫn

Đây là nội dung cho biết hình thức thi của Part 2 là nghe câu hỏi cùng ba phương án, sau đó lựa chọn đáp án phù hợp nhất với câu hỏi được nghe.

- Việc cần làm trong khoảng thời gian hướng dẫn
Thí sinh nên đọc trước câu hỏi và các phương án lựa chọn của Part 3.

* Sau khi nghe thấy câu: "Now, let us begin with question number 7", thí sinh cần ngay lập tức quay lại câu số 7 và nghe câu hỏi đầu tiên.

NỘI DUNG CÂU HỎI Câu hỏi và các phương án lựa chọn đều sẽ không xuất hiện trong đề thi.

7. Mark your answer on your answer sheet.

NỘI DUNG NGHE Phần nội dung nghe sẽ chỉ được phát thông qua hệ thống loa đài.

🎧 Who is speaking at the lecture?

- (A) About property development.
- (B) Mr. Jones, I believe.
- (C) At the conference hall.

- Việc cần phải làm khi nội dung nghe được phát

Nghe kỹ câu hỏi và đánh dấu luôn đáp án vào phiếu trả lời.

Part 3 Hội thoại ngắn

Đây là phần thi yêu cầu lựa chọn đáp án đúng trong bốn phương án có sẵn liên quan tới một đoạn hội thoại giữa 2-3 người. Part 3 có tổng cộng 13 cụm câu hỏi với 39 câu, được đánh số câu từ 32 đến 70, mỗi câu hỏi sẽ có bốn phương án tương ứng.

◆ Trong Part 3 sẽ xuất hiện những câu hỏi có nội dung liên quan đến đoạn hội thoại, những chi tiết được đề cập, ý đồ của một trong những người nói  và cả những câu hỏi đi kèm tài liệu trực quan .

DIRECTION Không có ví dụ mà chỉ có phần hướng dẫn cho Part 3.

PART 3

Directions: In this part, you will listen to several conversations between two or more speakers. These conversations will not be printed and will only be spoken one time. For each conversation, you will be asked to answer three questions. Select the best response and mark the corresponding letter (A), (B), (C), or (D) on your answer sheet.

NỘI DUNG CÂU HỎI Trong đề thi sẽ xuất hiện các câu hỏi và phương án lựa chọn.

32. What are the speakers discussing?

- (A) Employee recruitment
- (B) A travel agency's services
- (C) Interview questions
- (D) An upcoming trip

33. Why does the man say, "I use an employment agency"?

-  (A) To provide a recommendation
(B) To make an inquiry
(C) To respond to an offer
(D) To follow up on a request

34. What does the woman ask for?

- (A) Directions to a building
- (B) Contact information
- (C) An application form
- (D) An e-mail address

● Thời gian nghe hướng dẫn khoảng 30 giây.

● Nội dung hướng dẫn
Đây là nội dung cho biết hình thức thi của Part 3 là nghe một đoạn hội thoại ngắn có sự tham gia của hơn hai nhân vật, sau đó trả lời các câu hỏi liên quan đến đoạn nghe đó.

● Việc cần làm trong khoảng thời gian hướng dẫn
Thí sinh nên đọc lại câu hỏi và các phương án lựa chọn của Part 3, những nội dung đã tìm hiểu trước đó trong thời gian nghe hướng dẫn của Part 1, 2.

● Việc cần phải làm khi đọc đề thi
+ Tập trung nghe để không bỏ lỡ phần đầu của nội dung nghe.

+ Với những câu hỏi đi kèm tài liệu trực quan, thí sinh cần nhanh chóng xác định rõ nội dung có trong tài liệu và chờ nội dung nghe được phát.

NỘI DUNG NGHE (Sau khi đoạn hội thoại kết thúc, thí sinh sẽ được nghe nội dung câu hỏi.)

 Questions 32 through 34 refer to the following conversation.

 M: Have you found an assistant yet?
W: No. None of the applicants are qualified.
M: I use an employment agency. You should try them.
W: Good idea. Do you have their phone number?
M: I'll write it down.

 32. What are the speakers discussing?
33. Why does the man say, "I use an employment agency"?
34. What does the woman ask for?

Part 4 Bài nói ngắn

Đây là phần thi yêu cầu lựa chọn đáp án đúng trong bốn phương án có sẵn liên quan tới một bài nói ngắn. Part 4 có tổng cộng 10 cụm câu hỏi với 30 câu, được đánh số câu từ 71 đến 100, mỗi câu hỏi sẽ có bốn phương án tương ứng.

- ◆ Trong Part 4 sẽ xuất hiện những câu hỏi có nội dung liên quan đến toàn bộ bài nói, những chi tiết được đề cập, ý đồ của người nói  và cả những câu hỏi đi kèm tài liệu trực quan .

DIRECTION Không có ví dụ mà chỉ có phần hướng dẫn cho Part 4.

PART 4

Directions: In this part, you will listen to several short talks by a single speaker. These talks will not be printed and will only be spoken one time. For each talk, you will be asked to answer three questions. Select the best response and mark the corresponding letter (A), (B), (C), or (D) on your answer sheet.

NỘI DUNG CÂU HỎI (Trong đề thi sẽ xuất hiện các câu hỏi và phương án lựa chọn, một số cụm câu hỏi sẽ đi kèm tài liệu trực quan.)

Schedule	
Loading docks	2:00 P.M.
Assembly lines	3:00 P.M.
Waste disposal	4:00 P.M.
Storage facilities	5:00 P.M.

71. Who most likely are the listeners?
 (A) Corporate executives
 (B) Safety inspectors
 (C) Tour participants
 (D) Factory workers
72. Look at the graphic. Which area will be visited first?
 (A) Loading docks
 (B) Assembly lines
 (C) Disposal units
 (D) Storage facilities

NỘI DUNG NGHE (Sau khi bài nói kết thúc, thí sinh sẽ được nghe nội dung câu hỏi.)

-  Questions 71 through 73 refer to the following announcement.

May I have your attention, please? We have important clients touring our factory today. A schedule has been posted, but it contains an error. They will visit the loading docks last, and begin the tour with the next area. Please tidy up your work areas before they arrive. Thank you.

71. Who most likely are the listeners?
 72. Look at the graphic. Which area will be visited first?
 73. What does the speaker ask the listeners to do?

• Thời gian nghe hướng dẫn khoảng 30 giây.

• Nội dung hướng dẫn
 Đây là nội dung cho biết hình thức thi của Part 4 là nghe một bài nói ngắn, sau đó trả lời các câu hỏi liên quan đến bài nói đó.

• Việc cần làm trong khoảng thời gian hướng dẫn
 Thí sinh nên đọc trước các câu hỏi và phương án lựa chọn của bài nói thứ nhất.

• Việc cần phải làm khi đọc đề thi

+ Tập trung nghe để không bỏ lỡ phần đầu của nội dung nghe.

+ Với những câu hỏi đi kèm tài liệu trực quan, thí sinh cần nhanh chóng xác định rõ nội dung có trong tài liệu và chờ nội dung nghe được phát.

• Việc cần phải làm khi nội dung nghe được phát

+ Thí sinh cần vừa nghe vừa đánh dấu đáp án vào phiếu trả lời.

+ Sau khi đã hoàn thành xong cụm câu hỏi này, hãy đọc trước cụm câu hỏi tiếp theo.

KẾ HOẠCH HỌC TẬP THEO TỪNG TRÌNH ĐỘ

BÀI KIỂM TRA TRÌNH ĐỘ

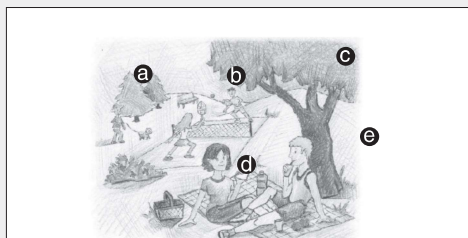


Hãy dựa theo số câu trả lời đúng trong bài kiểm tra trình độ dưới đây để lựa chọn kế hoạch học tập phù hợp và hiệu quả cho mình.

Nghe và lựa chọn từ vựng phù hợp cho câu văn. Bạn sẽ được nghe hai lần. (1~5)

1. Please turn on your (light / right).
2. They will e-mail you a list of items we need on the (farm / form).
3. I need you to call our supplier and order some more (desks / disks).
4. He was very pleased with (his office supplies / his surprise).
5. I can help (direct her / the director) tomorrow morning.

Nghe và chỉ rõ những nhân vật trong bức tranh tương ứng với đoạn hội thoại. Bạn sẽ được nghe một lần. (6~8)

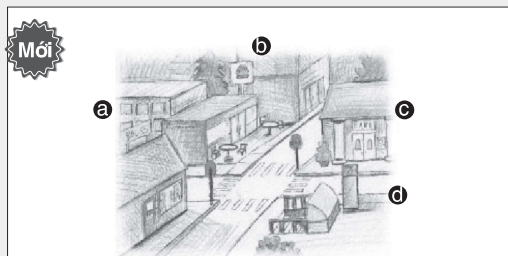


6. Joe là ai?
7. Tracy là ai?
8. Sam là ai?

Nghe câu hỏi và nối với câu trả lời phù hợp nhất. Bạn sẽ được nghe một lần. (9~12)

9. • a Later this week.
10. • b I'm an accountant.
c It's very nice.
11. • a I don't mind.
12. • b Help yourself.
c Yes, some coffee please.

Nghe và chỉ rõ những địa điểm trong bức tranh tương ứng với đoạn hội thoại. Bạn sẽ được nghe một lần. (13~15)



13. Angela đến từ đâu?
14. Tony và Angela hiện đang ở đâu?
15. Hai người họ định đi đến đâu?

Nghe và hoàn thành bảng kế hoạch của Amy. Bạn sẽ được nghe một lần. (16~18)

Mới	Mon	Tue	Wed
	16. ()	17. ()	18. ()

- Gặp Andrew
- Gặp khách hàng
- Đến phòng khám răng
- Xem phim

Nghe và lựa chọn đáp án đúng. Bạn sẽ được nghe một lần. (19~20)

19. Hãy lựa chọn nghề nghiệp của người nói.



20. Hãy lựa chọn món đồ được quảng cáo.



Số câu trả lời đúng: _____ câu

Bạn làm tốt lắm! (Đáp án ở trang 22)

Số câu trả lời đúng từ 14 đến 20 câu.

KẾ HOẠCH HỌC TẬP TRONG 4 TUẦN

1. Người học tìm hiểu về chiến lược học tập và áp dụng chiến lược đó vào các bài tập.
2. Hoàn thành các câu hỏi luyện tập, các bài tập theo định dạng bài thi thật dựa theo chiến lược đã học.
3. Nếu trả lời sai, hãy tìm hiểu nguyên nhân, chữa bài, nghe lại và tập nói thành lời.

	Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6
Week 1	Ngày 1 Course 1, 2 Câu hỏi theo định dạng bài thi thật	Ngày 2 Course 1, 2 Câu hỏi theo định dạng bài thi thật	Ngày 3 Course 1, 2 Câu hỏi theo định dạng bài thi thật	Ngày 4 Course 1, 2 Câu hỏi theo định dạng bài thi thật	Part 1 Part Test	Ngày 5 Course 1, 2 Câu hỏi theo định dạng bài thi thật
Week 2	Ngày 6 Course 1, 2 Câu hỏi theo định dạng bài thi thật	Ngày 7 Course 1, 2 Câu hỏi theo định dạng bài thi thật	Ngày 8 Course 1, 2 Câu hỏi theo định dạng bài thi thật	Ngày 9 Course 1, 2 Câu hỏi theo định dạng bài thi thật	Ngày 10 Course 1, 2 Câu hỏi theo định dạng bài thi thật	Part 2 Part Test
Week 3	Ngày 11 Course 1, 2 Câu hỏi theo định dạng bài thi thật	Ngày 12 Course 1, 2 Câu hỏi theo định dạng bài thi thật	Ngày 13 Course 1, 2 Câu hỏi theo định dạng bài thi thật	Ngày 14 Course 1, 2 Câu hỏi theo định dạng bài thi thật	Ngày 15 Course 1, 2 Câu hỏi theo định dạng bài thi thật	Part 3 Part Test
Week 4	Ngày 16 Course 1, 2 Câu hỏi theo định dạng bài thi thật	Ngày 17 Course 1, 2 Câu hỏi theo định dạng bài thi thật	Ngày 18 Course 1, 2 Câu hỏi theo định dạng bài thi thật	Ngày 19 Course 1, 2 Câu hỏi theo định dạng bài thi thật	Ngày 20 Course 1, 2 Câu hỏi theo định dạng bài thi thật	Part 4 Part Test Bài thi thử theo định dạng mới

Giới thiệu cơ bản về bài thi TOEIC

Trong phần “Các kỹ năng nghe TOEIC cơ bản”, người học có thể luyện tập về thì và thể, kỹ năng nghe những từ hoặc cụm từ có cách phát âm gần giống nhau, nghe nối âm, từ chứa nội dung (content words), hư từ (function words) và các nhóm từ trong câu (chunking).

Kỹ năng nghe cơ bản Part 2, 3, 4	Kỹ năng nghe từ/ cụm từ có cách phát âm gần giống nhau	Ngày 1 Course 1
	Kỹ năng nghe nối âm	Ngày 1 Course 2
	Kỹ năng phân biệt từ chứa nội dung và hư từ	Ngày 1 Course 2
	Kỹ năng nghe các nhóm từ trong câu	Ngày 1 Course 2
Ngữ pháp cơ bản Part 1	Thì của động từ	Ngày 2 Course 1
	Thể của động từ	Ngày 2 Course 2

Mục tiêu học tập

Kỹ năng nghe từ/ cụm từ có cách phát âm gần giống nhau

Những từ/ cụm từ có cách phát âm gần giống nhau thường xuất hiện trong các phương án sai của Part 2.

Trong Part 2, các phương án sẽ xuất hiện những từ/ cụm từ có cách phát âm gần giống những từ/ cụm từ có trong câu hỏi. Nếu có thể làm quen trước với những từ/ cụm từ như vậy, người học sẽ nhanh chóng loại trừ được các phương án sai.

Kỹ năng nghe nối âm, từ chứa nội dung, hư từ và các nhóm từ trong câu

Người học cần luyện tập cách nắm bắt chính xác những câu văn dài được sử dụng trong các đoạn hội thoại hoặc bài nói ngắn của Part 3 và Part 4.

Trong các đoạn hội thoại hoặc bài nói ngắn của Part 3 và Part 4 sẽ xuất hiện rất nhiều câu văn dài. Nếu có thể làm quen với các kỹ năng nghe này, người học sẽ nắm được nội dung chính xác của các đoạn hội thoại và bài nói ngắn.

Ngữ pháp về thì và thể của động từ

Người học cần luyện tập cách nắm bắt chính xác nội dung của những phương án được đưa ra trong Part 1 để lựa chọn đáp án đúng.

Các phương án được đưa ra trong Part 1 có thể có động từ được chia theo thì hiện tại tiếp diễn và thể bị động. Nếu có thể làm quen với các thì và thể đó, người học sẽ nắm bắt nhanh chóng và chính xác hơn ý nghĩa của các phương án lựa chọn.

Làm quen với bài thi TOEIC

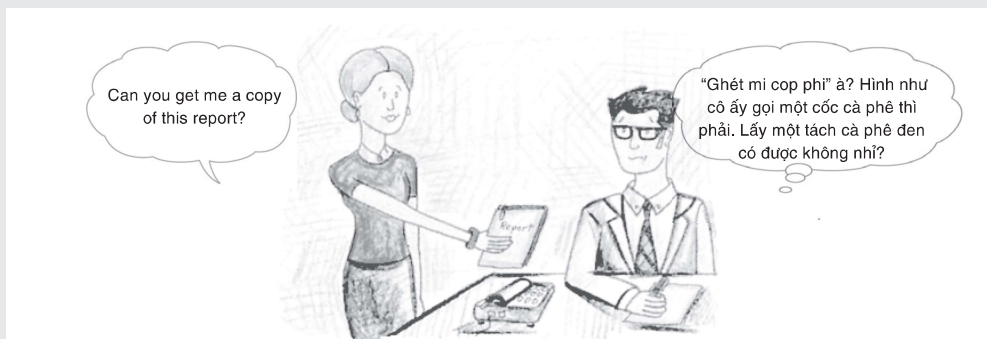
Hackers TOEIC Start Listening

Ngày 1

Kỹ năng nghe cơ bản Part 2, 3, 4

Trong ngày 1, chúng ta sẽ tìm hiểu về:

- Kỹ năng để có thể nghe rõ câu hỏi và các phương án lựa chọn trong Part 2, 3, 4
- Kỹ năng nghe các từ/ cụm từ có cách phát âm gần giống nhau
- Kỹ năng nghe nối âm, từ chứa nội dung, hư từ và các nhóm từ trong câu



Trong tình huống trên, người đàn ông đã nghe nhầm từ **copy** thành **coffee**. Có sự nhầm lẫn này là do hai từ **copy** và **coffee** có phát âm gần giống nhau. Các câu hỏi trong Part 2 thường đưa ra các phương án lựa chọn có cách phát âm tương tự như thế. Trong Course 1 này, chúng ta sẽ tìm hiểu về những từ có phát âm giống nhau để gây hiểu lầm.

Những nguyên âm và phụ âm dễ bị nhầm lẫn

1. [p] & [f] 🎧 Day01_C1_01

Khi phát âm phụ âm /p/, hai môi sẽ mím chặt và bật hơi ra ngoài. Còn với âm /f/, ta sẽ cắn nhẹ răng hàm trên vào môi dưới rồi khẽ thổi hơi tạo nên âm thanh nghe như âm “p” và âm “h”.

[p] copy /'kɔ:pi/ sao chép	pile /paɪl/ chồng, đống	pool /pu:l/ bể bơi
[f] coffee /'kɔ:fi/ cà phê	file /faɪl/ hồ sơ	full /fʊl/ đầy

🎧 **Hãy làm bài tập sau.**

Where can I make a copy? Tôi có thể photo tài liệu ở đâu?

(A) On the second floor. (O) Ở tầng hai.

(B) A dollar for coffee. (X) Một đô-la cho một ly cà phê.

⇒ (A) là đáp án đúng. Phương án (B) xuất hiện từ **coffee** có phát âm gần giống từ **copy** nên dễ gây nhầm lẫn.

2. [b] & [v] 🎧 Day01_C1_02

Khi phát âm phụ âm /b/, hai môi sẽ mím chặt và bật hơi ra ngoài, nghe gần giống âm /p/. Còn với âm /v/, hàm răng trên sẽ chạm với môi dưới và đẩy luồng hơi ra.

[b] best /best/ tốt nhất	ban /bæn/ cấm	boat /bəʊt/ con thuyền
[v] vest /vest/ áo gi-lê	van /væn/ xe tải	vote /vəʊt/ bỏ phiếu

🎧 **Hãy làm bài tập sau.**

What is the best way to go to the food store? Đường nào tốt nhất để tới cửa hàng thực phẩm?

(A) Take highway 52. (O) Đi đường cao tốc số 52.

(B) I like his vest. (X) Tôi thích áo gi-lê của anh ấy.

⇒ (A) là đáp án đúng. Phương án (B) xuất hiện từ **vest** có phát âm gần giống từ **best** nên dễ gây nhầm lẫn.

3. [l] & [r] 🎧 Day01_C1_03

Khi phát âm phụ âm /l/, đầu lưỡi chạm vào chân răng của hàm trên. Khi phát âm phụ âm /r/, khẩu hình miệng hơi tròn và lưỡi được nâng lên, chạm vào hàm trên của vòm miệng.

[l]	late /leɪt/ muộn	load /ləʊd/ gánh nặng	lead /li:d/ lãnh đạo
[r]	rate /reɪt/ tỷ lệ, giá	road /rəʊd/ con đường	read /ri:d/ đọc

Toeic Hãy làm bài tập sau.

Why are you late? Vì sao bạn đến muộn?

(A) It's a good rate. (x) Đó là mức giá tốt.

(B) I missed the bus. (o) Tôi bị lỡ chuyến xe buýt.

⇒ (B) là đáp án đúng. Phương án A sử dụng từ **rate** có phát âm gần giống từ **late** nên dễ gây nhầm lẫn.

4. [əʊ] & [ɔ:] 🎧 Day01_C1_04

/əʊ/ được tạo thành bởi hai nguyên âm đơn là /ə/ và /ʊ/ nên âm phát ra nghe tương tự như “ô u”. Khi phát âm nguyên âm /ɔ:/, khẩu hình miệng sẽ tròn nên âm phát ra nghe như nửa âm “ô” và âm “a”.

[əʊ]	cold /kəʊld/ lạnh	won't /wəʊnt/ sẽ không	boat /bəʊt/ con thuyền
[ɔ:]	called /kɔ:ld/ đã gọi	water /'wɔ:tə/ nước	bought /bɔ:t/ đã mua

Toeic Hãy làm bài tập sau:

It's cold outside, isn't it? Ngoài trời đang lạnh phải không?

(A) Yes, you should wear a sweater. (o) Đúng vậy, cậu nên mặc áo len.

(B) I called him last night. (x) Tôi đã gọi cho anh ấy tối qua.

⇒ (A) là đáp án đúng. Phương án (B) sử dụng từ **called** có phát âm gần giống từ **cold** nên dễ gây nhầm lẫn.

5. [ɪ] & [i:] 🎧 Day01_C1_05

[ɪ] là nguyên âm ngắn nên âm phát ra nghe như âm “i”. Còn khi phát âm nguyên âm [i:], môi sẽ mở rộng sang hai bên, đầu lưỡi chạm vào chân răng hàm dưới, âm phát ra sẽ dài hơn.

[ɪ]	fill /fɪl/ điền vào	list /lɪst/ danh sách	live /lɪv/ sống
[i:]	feel /fi:l/ cảm thấy	least /li:st/ ít nhất	leave /li:v/ rời đi

Toeic Hãy làm bài tập sau.

Can I fill out this application form by hand? Tôi có thể điền đơn đăng ký này bằng tay được không?

(A) Sure, no problem. (o) Chắc chắn rồi, không sao đâu.

(B) I feel fine. (x) Tôi thấy khỏe.

⇒ (A) là đáp án đúng. Phương án B sử dụng từ **feel** có phát âm gần giống từ **fill** nên dễ gây nhầm lẫn.

Những từ dễ gây nhầm lẫn

1. Những từ có phát âm giống nhau một phần hoặc toàn bộ 📁 Day01_C1_06

Dưới đây là những từ có cách phát âm giống nhau một phần hoặc toàn bộ thường xuất hiện trong các phương án lựa chọn cho câu hỏi trong bài thi TOEIC.

Từ có một phần phát âm giống nhau

[ster]	upstairs /ˌʌpˈsterz/ ở tầng trên	[wi:k]	weekend /ˈwi:kend/ cuối tuần
	stare /ster/ nhìn chăm chăm		weekly /ˈwi:kli/ hằng tuần
[taim]	overtime /ˈəʊvətaɪm/ quá giờ	[ˈmɑ:rkɪt]	supermarket /ˈsu:pəmə:rkɪt/ siêu thị
	time /taim/ thời gian		marketing /ˈmɑ:rkɪtɪŋ/ tiếp thị

Từ có toàn bộ phát âm giống nhau

[eit]	ate /eit/ đã ăn	[ˈaʊər]	our /ˈaʊər/ của chúng ta
	eight /eit/ số tám		hour /ˈaʊər/ giờ, tiếng (đồng hồ)
[tu:]	two /tu:/ số hai	[nju:]	new /nju:/ mới
	too /tu:/ cũng		knew /nju:/ đã biết

📁 ToEIC Hãy làm bài tập sau.

What's causing the noise upstairs? Có chuyện gì mà tầng trên ồn vậy?

(A) The neighbors are moving the furniture. (o) Nhà hàng xóm đang chuyển đồ đạc.

(B) She is staring out the window. (x) Cô ấy đang nhìn chăm chăm ra cửa sổ.

⇒ (A) là đáp án đúng. Phương án (B) sử dụng từ **staring** có phần phát âm gần giống từ **upstairs** trong câu hỏi nên dễ gây nhầm lẫn.

2. Những từ có phát âm gần giống nhau 📁 Day01_C1_07

Dưới đây là những từ phát âm gần giống nhau thường xuất hiện trong các phương án lựa chọn cho câu hỏi của bài thi TOEIC.

supplies /səˈplaɪ/ hàng cung ứng	apply /əˈplaɪ/ ứng dụng
surprise /səˈpraɪz/ điều bất ngờ	supply /səˈplaɪ/ cung cấp
apartment /əˈpɑ:rtmənt/ căn hộ	computer /kəmˈpjʊ:tər/ máy tính
department /diˈpɑ:rtmənt/ phòng ban	commuter /kəˈmjʊtər/ người đi làm (bằng vé tháng)
inspect /ɪnˈspekt/ kiểm tra	annual /ˈænjuəl/ hằng năm
expect /ɪkˈspekt/ mong đợi	manual /ˈmænjuəl/ làm bằng tay, sổ tay
projector /prəˈdʒektər/ máy chiếu	construction /kənˈstrʌkʃn/ sự xây dựng
project /ˈprɑ:dʒekt/ dự án	instruction /ɪnˈstrʌkʃn/ hướng dẫn

📁 ToEIC Hãy làm bài tập sau.

Will you order supplies tomorrow? Bạn sẽ đặt mua vật tư vào ngày mai à?

(A) It was a surprise. (x) Đó là một điều bất ngờ.

(B) I did it yesterday. (o) Tôi đã làm việc đó hôm qua rồi.

⇒ (B) là đáp án đúng. Phương án A sử dụng từ **surprise** có phát âm gần giống từ **supplies** trong câu hỏi nên dễ gây nhầm lẫn.

LUYỆN TẬP

🔊 Day01_C1_08

Lưu ý những từ có phát âm tương tự và chọn đáp án đúng để điền vào chỗ trống. (Bạn được nghe 3 lần)

- 01** The _____ machine is broken.
(A) copy (B) coffee
- 02** They are difficult to _____.
(A) lead (B) read
- 03** I don't want to _____ here.
(A) live (B) leave
- 04** She just moved to a new _____.
(A) department (B) apartment
- 05** Factory managers _____ production every day.
(A) inspect (B) expect

Lưu ý những từ có phát âm tương tự và chọn đáp án đúng để điền vào chỗ trống. (Bạn được nghe 3 lần)

- 06** (A) Tôi đang sắp xếp giấy tờ. (B) Tôi đang nộp giấy tờ.
I'm _____.
- 07** (A) Tôi đang lái xe xuống phố. (B) Tôi đang chất hành lý.
I'm _____.
- 08** (A) Tôi đang đem đồ ăn lên xe. (B) Đồ ăn bị cấm trong thư viện.
Food is _____.
- 09** (A) Tôi sẽ xác nhận người sử dụng hằng năm.
(B) Tôi sẽ xem lại sách hướng dẫn sử dụng.
I'll _____.
- 10** (A) Họ đã mua hai cái máy tính vào hôm qua.
(B) Họ cũng đã mua máy tính vào hôm qua.
They _____.

Đáp án - Dịch nghĩa - Giải thích tr. 332

Giới thiệu

Part 1

Part 2

Part 3

Part 4

Hackers TOEIC Start Listening



Câu càng dài, bạn càng khó nắm được nội dung. Ở trường hợp trên, người phụ nữ không hiểu người đàn ông nói gì vì câu anh ta nói rất dài. Bạn sẽ thường gặp trong Part 3 và 4 những câu dài như thế. Trong Course 2 này, hãy cùng tìm hiểu về kỹ năng nghe nối âm, từ chứa nội dung, hư từ và các nhóm từ trong câu để chủ động nắm bắt ý nghĩa các câu dài.

Nghe nối âm

1. Những từ được giản lược khi nối âm 🎧 Day01_C2_01

Nếu có hai hay nhiều phụ âm cùng nhóm đứng giữa hai từ thì phụ âm trước sẽ được giản lược và ta chỉ nghe thấy phụ âm sau.

bus + stop → bus stop
[bʌs] + [stɒp] → [bʌs stɒp] → ['bʌstɒp]
↓ ↓ ↓
Phụ âm trước Phụ âm sau Lược bỏ phụ âm trước

Khi phụ âm "s" ở cuối từ **bus** và phụ âm "s" ở đầu từ **stop** đứng cạnh nhau, phụ âm "s" ở trước được giản lược và ta sẽ nghe thấy phát âm [bustɒp], thay vì [busstɒp].

next to [nekstu]

want to [wa:ntu]

about twenty [ə'baʊtwénti]

at least two [ætli:stu:]

was supposed [wʌsə'pəʊzd]

gas station [gæsteɪn]

need to [ní:tu]

should try [ʃʊdtráɪ]

expected to [ɪk'spektɪtu]

front desk [frʌndésk]

sit down [sɪdaʊn]

product development ['prɔ:ðɪkdivələpmənt]

Toeic Luyện tập với những câu có hiện tượng nối âm sau.

- ① The bus stop is next to the gas station. Bến xe buýt ở cạnh trạm xăng.
- ② I don't want to spend more than 50 dollars. Tôi không muốn chi nhiều hơn 50 đô-la.
- ③ We need to wait for Mr. Chan. Chúng ta cần phải đợi ông Chan.
- ④ The presentation is expected to last for two hours. Bài thuyết trình dự tính sẽ kéo dài trong hai tiếng.

2. Những phát âm hợp thành một khi nối âm 🎧 Day01_C2_02

Nếu phụ âm cuối của từ trước nối tiếp với nguyên âm đầu của từ sau, ta sẽ nghe được một âm mới.

fix + it → fix it [fiks] + [it] → [fiks it] → [fisisit] ↓ ↓ ↓ Phụ âm Nguyên âm Nối âm		Trong trường hợp phụ âm “s” ở cuối từ fix và phụ âm “i” ở đầu từ it đứng cạnh nhau, ta sẽ nghe thấy phát âm [fiksit] thay vì [fiks it].
pick up [pɪkʌp]	hand out [hændaut]	for a break [fɔːrəbreɪk]
ends at seven [enzət'sevn]	rest a while ['restəwɪl]	a cup of [ə'kʌpʌv]

🎧 Luyện tập với những câu có hiện tượng nối âm sau.

- ① The bus will pick up the tourists in front of the lobby. Xe buýt sẽ đón du khách ở trước sảnh.
- ② The sales staff will hand out the fliers. Nhân viên bán hàng sẽ phát các tờ rơi.
- ③ A cup of our cream soup is two dollars. Một bát súp kem của chúng tôi giá 2 đô-la.

3. Cách nối âm với phụ âm /t/ 🎧 Day01_C2_03

Nếu phụ âm /t/ nằm giữa hai nguyên âm thì khi nối âm, âm [t] sẽ được biến đổi thành âm /d/.

out + of → out of [aʊt] + [ʌv] → [aʊtʌv] → [ur*ʌv] ↓ ↓ ↓ ↓ Nguyên âm Phụ âm Nguyên âm Biến âm		Nếu âm /t/ xuất hiện ở giữa nguyên âm “u” của từ out và nguyên âm “o” của từ of , ta sẽ nghe thấy phát âm ['aʊdəv] thay vì [aʊtəv].
at all times [æt*ˈɔːltəɪmz]	fill out a form [fɪlaʊr*əfɔːrm]	
get out of [ɡet*ˈaʊr*ʌv]	about an hour [əbaʊr*ənəʊər]	
meet a bit later [miːt*əb'leɪr*ər]	a lot of work [əlɔːr*ʌvwɜːk]	

* Có một số trường hợp phụ âm /t/ nằm giữa hai nguyên âm nhưng nguyên âm /t/ vẫn được giữ nguyên khi phát âm. Ví dụ: **out of** [aʊtʌv]

🎧 Luyện tập với những câu có hiện tượng nối âm sau.

- ① You must wear the uniform at all times. Lúc nào bạn cũng phải mặc đồng phục.
- ② The copier is out of paper. Máy photo bị hết giấy.
- ③ Please fill out a form. Vui lòng điền vào mẫu này.

Nghe từ chứa nội dung, hư từ và các nhóm từ trong câu

1. Phân biệt từ chứa nội dung và hư từ

Từ chứa nội dung là những từ mang nội dung trọng tâm của câu và được phát âm rõ ràng. Trái lại, hư từ có vai trò kết nối các từ chứa nội dung lại, được phát âm nhẹ và nhanh hơn. Chỉ cần nghe được các từ chứa nội dung, ta vẫn dễ dàng nắm được thông điệp mà người nói muốn truyền đạt.

	Từ chứa nội dung	Hư từ
Loại từ	danh từ, động từ, tính từ, phó từ, từ nghi vấn	đại từ, giới từ, quán từ, liên từ, trợ động từ
Vai trò	Truyền đạt nội dung quan trọng đến người nghe	Liên kết các từ trong câu một cách tự nhiên về mặt ngữ pháp
The shipment is scheduled to arrive tomorrow. Lô hàng dự kiến sẽ đến vào ngày mai.		
Từ chứa nội dung	shipment, scheduled, arrive, tomorrow	
Nội dung trọng tâm	Theo kế hoạch, chuyến hàng sẽ được chuyển đến vào ngày mai.	

Toeic Hãy nắm bắt nội dung trọng tâm qua những từ chứa nội dung trong các câu sau.

- ① The new factory will be completed at the end of the month.
Nhà máy mới sẽ được hoàn thiện vào cuối tháng.
Từ chứa nội dung new factory, completed, end, month
Nội dung trọng tâm Vào cuối tháng, nhà máy mới sẽ được hoàn thiện.
- ② Applicants will submit their resume by e-mail. Các ứng viên sẽ nộp sơ yếu lý lịch qua email.
Từ chứa nội dung Applicants, submit, resume, e-mail
Nội dung trọng tâm Cách thức nộp sơ yếu lý lịch của các ứng viên là qua email.

2. Các nhóm từ trong câu 🎧 Day01_C2_05

Để truyền đạt ý của mình, người nói thường ngắt câu thành các phần như cụm từ hoặc mệnh đề. Đối với bài thi nghe, nếu luyện tập kỹ năng nghe theo các khối nghĩa như vậy, ta sẽ dễ dàng nắm được ý mà người nói muốn diễn đạt.

Cụm từ	Là nhóm từ được tạo thành từ hai từ trở lên nhưng không bao gồm chủ ngữ kết hợp với động từ Food and beverages are allowed / in the lobby. Đồ ăn và thức uống được cho phép ở phòng chờ
Mệnh đề	Là nhóm từ có cấu trúc như một câu hoàn chỉnh và đóng vai trò bổ nghĩa If the bus tickets are sold out, / you can take the train. Nếu vé xe buýt đã bán hết bạn có thể đi tàu hỏa

Toeic Hãy nắm bắt nội dung trọng tâm qua những từ chứa nội dung trong các câu sau.

- ① Dinner reservations can be made / by calling the restaurant.
Việc đặt bàn ăn tối có thể được thực hiện bằng cách gọi điện cho nhà hàng
Mệnh đề chính Cụm từ
- ② Employees must show their ID / when they enter the building.
Nhân viên phải trình thẻ căn cước khi đi vào tòa nhà
Mệnh đề chính Mệnh đề
- ③ Tickets can be purchased / on the train, / if nobody is at the ticket window.
Vé có thể được mua trên tàu nếu không có ai trực tại quầy bán vé
Mệnh đề chính Cụm từ Mệnh đề

H a c k e r s T O E I C S t a r t L i s t e n i n g

Đáp án và giải thích



Part 3

Ngày 11: Các tình huống diễn ra nơi công sở (1)

Course 1: Chào hỏi

tr. 160

01 (A) 02 (A) 03 (B) 04 (A) 05 (D) 06 (C) 07 (A) 08 (B)

- 01 Phát âm giọng Anh-Mỹ → Phát âm giọng Anh-Úc
Phát âm giọng Anh-Anh → Phát âm giọng Anh-Mỹ

Question 1 refers to the following conversation.

W: Thanks for coming / for an interview.

Cảm ơn đã đến / buổi phỏng vấn

Do you have any questions / about the job?

Bạn có câu hỏi nào / về công việc không

M: Actually, / does your law firm offer opportunities /

Thực ra / công ty luật của cô có đưa ra những cơ hội

for promotion?

thăng tiến không

What does the man ask about?

(A) Cơ hội thăng tiến

(B) Lương bổng

Câu
hỏi
phỏng
vấn

Cơ hội
thăng
tiến

Câu hỏi 1 đề cập đến nội dung đoạn hội thoại sau:

W: Cảm ơn vì đã đến phỏng vấn. Bạn có còn câu hỏi nào về công việc này không?

M: Thực ra thì, tôi muốn biết công ty luật của cô có cơ hội thăng tiến không?

Người đàn ông hỏi về điều gì?

(A) Cơ hội thăng tiến

(B) Lương bổng

Từ vựng

law firm: công ty luật

opportunity: cơ hội

promotion: sự thăng chức

Giải thích

Từ câu **What ~ man ask about**, ta có thể xác định đề bài muốn hỏi người đàn ông muốn biết về vấn đề gì. Câu **does your law firm offer opportunities for promotion** cho ta biết người đàn ông đã hỏi về cơ hội thăng tiến trong công ty luật, vậy (A) là đáp án đúng.

- 02 Phát âm giọng Anh-Anh → Phát âm giọng Anh-Úc
Phát âm giọng Anh-Mỹ → Phát âm giọng Anh-Mỹ

Question 2 refers to the following conversation.

W: I'm planning to apply / for the editor position /

Tôi dự định sẽ ứng tuyển / vị trí biên tập viên

at the head office.

tại trụ sở chính

M: Are you? I didn't know / there was an opening.

Thật sao / Tôi không biết / vị trí ấy đang tuyển dụng

W: Yes, / it's for the news magazine department.

Vâng / nó thuộc bộ phận báo chí.

What position is the woman interested in?

(A) Biên tập viên

(B) Nhân viên bán hàng

Nghề
nghiệp
đang
quan
tâm

Câu hỏi 2 đề cập đến nội dung đoạn hội thoại sau:

W: Tôi dự định sẽ ứng tuyển vị trí biên tập viên tại trụ sở chính.

M: Thật sao? Tôi không biết vị trí ấy đang tuyển dụng.

W: Vâng, nó thuộc bộ phận báo chí.

Người phụ nữ đang quan tâm đến vị trí nào?

(A) Biên tập viên

(B) Nhân viên bán hàng

Từ vựng

apply for ~: nộp đơn

editor: biên tập viên

head office: trụ sở

opening: vị trí còn trống

Giải thích

Từ câu **What position ~ woman interested in**, ta có thể xác định đề bài muốn hỏi người phụ nữ đang quan tâm đến vị trí nào. Câu **I'm planning to apply for the editor position** cho biết người phụ nữ muốn ứng tuyển vào vị trí biên tập viên, vậy (A) là đáp án đúng.

Giới Thiệu

Part 1

Part 2

Part 3

Part 4

Hackers TOEIC Start Listening

03 Phát âm giọng Anh-Mỹ → Phát âm giọng Anh-Anh
Phát âm giọng Anh-Úc → Phát âm giọng Anh-Mỹ

Question 3 refers to the following conversation.		Câu hỏi 3 đề cập đến nội dung đoạn hội thoại sau:
M: Do you know / who <u>our new marketing director</u> will be? Chị có biết / ai sẽ là giám đốc tiếp thị mới của chúng ta không	Thay đổi nhân sự	M: Chị có biết ai sẽ là giám đốc tiếp thị mới của chúng ta không?
W: I heard / Deanna will be promoted / to that position. Tôi nghe nói / Deanna sẽ được đề bạt / vị trí đó		W: Tôi nghe nói Deanna sẽ được đề bạt lên vị trí đó.
M: Oh, / good. She's <u>a great leader</u> / and will help our team a lot. Ồ / tuyệt. Cô ấy là một lãnh đạo giỏi / và sẽ giúp nhiều cho nhóm chúng ta	Giới thiệu người mới	M:Ồ, thật tuyệt. Cô ấy là một lãnh đạo giỏi và sẽ giúp nhóm chúng ta rất nhiều.
Who most likely is Deanna?		Deanna nhiều khả năng là ai?
(A) A business consultant		(A) Cố vấn kinh doanh
(B) A marketing director		(B) Giám đốc tiếp thị

Từ vựng **promote**: thăng chức, đề bạt lên **position**: vị trí

Giải thích Từ câu **Who ~ Deanna**, ta có thể xác định đề bài muốn hỏi Deanna là ai. Câu **Do you know who our new marketing director will be** và câu **I heard Deanna will be promoted to that position** cho biết Deanna là giám đốc marketing mới, vậy (B) là đáp án đúng.

04 Phát âm giọng Anh-Mỹ → Phát âm giọng Anh-Mỹ
Phát âm giọng Anh-Úc → Phát âm giọng Anh-Anh

Question 4 refers to the following conversation.		Câu hỏi 4 đề cập đến nội dung đoạn hội thoại sau:
M: The store is so busy / these days. Cửa hàng rất bận / những ngày này	Thiếu nhân lực	M: Những ngày này cửa hàng rất bận. Chúng ta cần tuyển thêm nhân viên bán hàng.
We need to hire / more sales staff. Chúng ta cần tuyển / thêm nhân viên bán hàng		W: Tôi đồng ý. Hầu hết mọi người đều đang phải làm thêm giờ.
W: I agree. Almost everyone is <u>working overtime</u> . Tôi đồng ý / Hầu hết mọi người đang phải làm thêm giờ		M: Tôi sẽ bàn bạc vấn đề này với quản lý.
M: I will discuss the problem / with our manager. Tôi sẽ bàn bạc vấn đề này / với quản lý của chúng ta	Đề nghị bổ sung nhân lực	Tại sao người đàn ông muốn tuyển thêm nhân viên?
Why does the man want to hire more employees?		(A) Cửa hàng đang rất bận.
(A) A shop is very busy.		(B) Anh ấy đã mở một cửa hàng mới.
(B) He opened a new store.		

Từ vựng **hire**: thuê, tuyển dụng **sales**: bán hàng **overtime**: thêm giờ

Giải thích Từ câu **Why ~ man ~ hire more employees**, ta có thể xác định đề bài muốn hỏi lý do người đàn ông muốn tuyển thêm nhân viên. Câu **The store is so busy ~ We need to hire more sales staff** cho biết công việc ở cửa hàng rất bận và họ cần thêm nhân viên bán hàng, vậy (A) là đáp án đúng.

05  Phát âm giọng Anh-Mỹ → Phát âm giọng Anh-Úc
 ~
 06 Phát âm giọng Anh-Anh → Phát âm giọng Anh-Mỹ

Questions 5-6 refer to the following conversation.		Câu hỏi 5-6 đề cập đến nội dung đoạn hội thoại sau:
W: ⁰⁵We have so many guests / at the hotel / these days. Chúng ta có rất nhiều khách / ở khách sạn những ngày này I think / <u>we should hire more housekeeping employees</u>. Tôi nghĩ / chúng ta nên thuê thêm nhân viên dọn dẹp	Thiếu nhân lực	W: Khách sạn có rất nhiều khách vào những ngày này. Tôi nghĩ chúng ta nên tuyển thêm nhân viên dọn dẹp. M: Tôi đồng ý. Công việc rất bận vào dịp hè. Ta chắc chắn cần thêm người. Có lẽ chúng ta nên trình bày vấn đề này với ai đó.
M: I agree. It's so busy / during the summer. Tôi đồng ý / rất bận rộn / vào dịp hè ⁰⁵We definitely need more help. Ta chắc chắn cần thêm giúp đỡ. Maybe we should <u>speak to someone / about it</u>. Có lẽ chúng ta nên nói với ai đó / về vấn đề này		Đề nghị bổ sung nhân lực
W: ⁰⁶<u>Why don't we talk to the supervisor / today?</u> Tại sao ta không bàn với quản lý / hôm nay		05 Người nói đang bàn về vấn đề gì? (A) Cơ sở vật chất mất vệ sinh. (B) Khách hàng than phiền. (C) Phòng ốc đắt đỏ. (D) Khách sạn đang thiếu nhân lực.
05 What problem are the speakers discussing? (A) The facility is dirty. (B) The guests are complaining. (C) The rooms are expensive. (D) The hotel is understaffed.		06 Người phụ nữ đề xuất điều gì? (A) Nói chuyện với một vị khách (B) Thuê một nhân viên lễ tân mới (C) Nói chuyện với quản lý (D) Thay đổi việc đặt phòng trước
06 What does the woman suggest? (A) Speaking to a guest (B) Hiring a new receptionist (C) Talking to a supervisor (D) Changing a reservation		

Từ vựng **housekeeping employee:** nhân viên dọn phòng **supervisor:** người giám sát, quản lý

- Giải thích**
05. Từ câu **What problem ~ speakers discussing**, ta có thể xác định đề bài muốn hỏi người nói đang bàn về vấn đề gì. Câu **We have so many guests at the hotel ~ we should hire more ~ employees** và câu **We definitely need more help** cho biết khách sạn đang thiếu nhân viên, vậy (D) là đáp án đúng.
06. Từ câu **What ~ woman suggest**, ta có thể xác định đề bài muốn hỏi người phụ nữ đề xuất điều gì. Câu **Why don't we talk to the supervisor** cho biết người phụ nữ đề xuất kiến nghị với cấp trên, vậy (C) là đáp án đúng.

Giới Thiệu

Part 1

Part 2

Part 3

Part 4

Hackers TOEIC Start Listening